

VỀ MỘT VÀI KHÍA CẠNH TRONG CHÍNH SÁCH QUAN LẠI CỦA NHÀ NGUYỄN

(qua khảo sát quê hương đội ngũ quan lại)

Vũ Văn Quân^(*)

1. Nghiên cứu chính sách quan lại của nhà Nguyễn, việc tìm hiểu quê hương (nguồn gốc địa phương) của đội ngũ quan lại có ý nghĩa trên nhiều phương diện. Nếu làm rõ được vấn đề này, bằng khảo sát rộng (số lượng), qua thời gian dài (các triều vua) sẽ có những trả lời lý thú về quan chế - chính sách dùng người - của nhà Nguyễn, và nhiều khía cạnh khác của lịch sử vương triều này.

Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* là bộ hồ sơ hết sức phong phú về các nhân vật lịch sử triều Nguyễn. Sách gồm 79 quyển, Sơ tập 33 quyển và Nhị tập 46 quyển, chép truyện các hậu phi (quyển 1 Sơ tập; quyển 1, 2, 3, 4 Nhị tập), các hoàng tử (quyển 2 Sơ tập; quyển 5, 6, 7, 8 Nhị tập), các công chúa (quyển 3 Sơ tập; quyển 9, 10 Nhị tập), người hạnh nghĩa (quyển 29 Sơ tập; quyển 42 Nhị tập), người trung nghĩa (quyển 40, 41 Nhị tập), liệt nữ (quyển 27 Sơ tập; quyển 44 Nhị tập), ẩn dật (quyển 43 Nhị tập), ngoại quốc (quyển 31, 32, 33 Sơ tập), "ngụ Tây Sơn" (quyển 30 Sơ tập), nghịch thần (quyển 45, 46 Nhị tập), còn lại là chép truyện các quan, gồm 54 quyển. Về số quyển, tỷ lệ truyện các quan chiếm 68,35%; về dung lượng, tỷ lệ đó có thể còn cao hơn.

Ở đây chỉ tập trung nghiên cứu đối tượng là các nhân vật chép trong *Truyện các quan*. Đành rằng không phải tất cả quan lại thời Nguyễn đều được chép trong *Đại Nam liệt truyện*, nhưng có thể coi đây là hình ảnh của đội ngũ quan lại triều Nguyễn - xét trên mọi ý nghĩa.

Trong 54 quyển *Truyện các quan*, có 2 quyển (quyển 4 Sơ tập và quyển 11 Nhị tập) chép các quan thuộc họ Tôn thất. Số này không nhiều (35 nhân vật), và do mục đích của bài viết, nên các trường hợp trên không phải là đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên, với số lượng đó, là rất ít so với đội ngũ quan lại⁽¹⁾, ta có thêm cơ sở cho một thực tế đã được khẳng định: nhà Nguyễn rất hạn chế sử dụng người trong hoàng tộc vào bộ máy hành chính.

Số còn lại, 52 quyển, chép truyện các quan ngoài hoàng tộc. Tuy nhiên, ở đây không nghiên cứu các trường hợp sau: những người đã chết trước thời điểm 1802; những người mà tài liệu không cho biết rõ quê quán (số này ít); những người làm quan do tập ấm và những võ quan chưa từng tham gia quản lý hành chính (thường chủ yếu là các võ quan cấp thấp). Trong số còn lại ở triều đình thường là các quan từ tá, hữu thị lang trở lên, ở địa phương thường là các quan từ tri huyện trở lên.

^(*) TS, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁽¹⁾ Dưới thời Minh Mệnh, số lượng quan văn và có phẩm tước (từ cấp tổng trở lên) đã là 12.000 người.

2. Bảng 1 thống kê 402 nhân vật phân bố theo đơn vị hành chính sau cải cách Minh Mệnh, qua các triều vua từ Gia Long đến Tự Đức. Điểm cần lưu ý ở bảng này: cột thời gian (Gia Long, Minh Mệnh hay Thiệu Trị, Tự Đức) là chỉ định về thời điểm một

người bắt đầu làm quan (chứ không phải chỉ làm quan trong khoảng thời gian đó). Có nghĩa, một người nằm trong thống kê của thời kỳ này (chẳng hạn: Minh Mệnh), nhưng có thể làm quan qua các thời kỳ sau (chẳng hạn: đến Thiệu Trị, thậm chí Tự Đức).

Bảng 1: Nguồn gốc địa phương, thời gian làm quan của quan lại triều Nguyễn

TT	Tỉnh	Gia Long		Minh Mệnh 1820-1840	Thiệu Trị 1841-1847	Tự Đức Sau 1847	Cộng
		Trước 1802	Sau 1802				
1	An Giang	2	-	-	-	-	2
2	Vĩnh Long	3	2	-	-	-	5
3	Định Tường	4	-	-	-	-	4
4	Gia Định	20	1	2	1	3	27
5	Biên Hoà	1	-	-	-	-	1
6	Bình Thuận	1	-	-	-	-	1
7	Khánh Hoà	1	-	-	1	-	2
8	Phú Yên	-	1	-	-	-	1
9	Bình Định	7	1	3	2	-	13
10	Quảng Ngãi	4	1	2	2	2	11
11	Quảng Nam	6	1	4	4	8	23
12	Thừa Thiên	17	8	11	11	9	56
13	Quảng Trị	1	-	3	5	2	11
14	Quảng Bình	4	2	6	2	3	17
15	Hà Tĩnh	-	2	11	6	13	32
16	Nghệ An	1	6	9	7	18	41
17	Thanh Hoá	2	5	10	4	9	30
18	Ninh Bình	-	-	1	-	2	3
19	Nam Định	-	2	9	4	6	21
20	Hà Nội	2	8	7	7	10	34
21	Bắc Ninh	-	7	15	8	6	36
22	Hải Dương	1	1	4	1	2	9
23	Sơn Tây	-	2	4	-	6	12
24	Hưng Yên	-	-	6	1	3	10
	Cộng	77	50	107	66	102	402

Có ít nhất ba thực tế được rút ra qua quan sát và phân tích bảng 1:

2.1. Chỉ 24 trong tổng số 30 tỉnh và 1 phủ của cả nước từng có người là quan lại cao cấp trong bộ máy hành chính nhà Nguyễn qua các thời kỳ. Còn lại 7 tỉnh hoàn toàn vắng mặt trong đội ngũ này, gồm Hà Tiên, Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Thái Nguyên. Trừ Hà Tiên - vùng cực nam đất nước, các tỉnh còn lại đều thuộc khu vực vùng núi phía bắc. Điều này có thể giải thích, do nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân quan trọng dễ nhận thấy nhất: đây là những địa phương giáo dục và khoa cử Nho học kém phát triển (vì thế mà số người đỗ đạt rất ít, còn đỗ đạt cao-đại khoa -hầu như không có), mà - như chúng ta biết - càng về sau quan lại xuất thân từ khoa cử ngày chiếm ưu thế, trở thành nguồn cung cấp nhân sự chủ yếu cho bộ máy Nhà nước.

2.2. Phân bố trong 24 tỉnh còn lại rất khác nhau. Một số tỉnh chỉ gồm vài trường hợp, như An Giang (2), Vinh Long (5), Định Tường (4), Biên Hoà (1), Bình Thuận (1), Khánh Hoà (2), Phú Yên (1), Ninh Bình (3). Tổng số viên chức cao cấp của 8 tỉnh này là 19 trường hợp, chỉ chiếm 4,72% số viên chức cao cấp cả nước qua các thời kỳ. Số còn lại tập trung ở Gia Định và các tỉnh từ Bình Định trở ra, trong đó cao nhất là Thừa Thiên (56 trường hợp, chiếm 13,93%), thứ hai là Nghệ An (41 trường hợp; 10,02%), tiếp theo là Bắc Ninh (36 trường hợp; 8,95%), Hà Nội (34 trường hợp; 8,46%), Hà Tĩnh (32 trường hợp; 9,76%), Thanh Hoá (30 trường hợp; 7,46%)... Nếu tính từ Thừa Thiên ra Bắc số quan lại cao cấp của 13 tỉnh khu vực này là 312 trường hợp, chiếm 74,28%, còn lại 11 tỉnh từ Quảng Nam trở vào chỉ gồm 90 trường hợp,

chiếm 25,72%. Như vậy, nhìn chung, *vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ và khu vực Bắc Trung Bộ là nơi cung cấp chủ yếu viên chức cho bộ máy Nhà nước Nguyễn.*

2.3. Xét về số lượng tuyệt đối, giữa Đàng Trong (khu vực do chúa Nguyễn cai trị trước đây) và Đàng Ngoài (khu vực do nhà Lê Trịnh cai trị trước đây) có sự chênh lệch (Đàng Trong: 174 trường hợp, chiếm tỷ lệ 43,28%; Đàng Ngoài: 228 trường hợp, chiếm tỷ lệ 56,72%). Nhưng sự chênh lệch không quá lớn. Đàng Ngoài có phần ưu trội hơn. Dù vậy, đó mới là nhìn chung. Theo từng thời kỳ (triều vua) phân bố quan lại (nguồn gốc địa phương) sự chênh lệch là lớn, thậm chí rất lớn.

Có 127 viên chức cao cấp làm quan hoặc bắt đầu làm quan dưới thời Gia Long (1802 - 1819) được chép trong *Đại Nam chính biên liệt truyện*, chia làm hai bộ phận - từng theo Nguyễn Ánh trước 1802 và mới bắt đầu sự nghiệp chính trị khi nhà Nguyễn đã chính thức thiết lập nền thống trị trên phạm vi cả nước, sau 1802.

Bộ phận thứ nhất gồm 77 trường hợp, họ phần lớn là người Đàng Trong (71 trường hợp = 92,2%). Điều này dễ hiểu, vì Đàng Trong là địa bàn cai trị cũ của chúa Nguyễn, là chiến trường chủ yếu của cuộc nội chiến Nguyễn-Tây Sơn, nhân lực, vật lực của Nguyễn Ánh phần lớn từ đây mà ra. Riêng hai tỉnh Thừa Thiên và Gia Định chiếm hơn một nửa trong số này (37/71 trường hợp = 52,1%). Cũng dễ hiểu, vì đây là hai địa phương đặc biệt, một là thủ phủ cũ của chính quyền chúa Nguyễn, một là căn cứ quan trọng nhất của Nguyễn Ánh trong cuộc chiến tranh chống lại nhà Tây Sơn. Đáng lưu ý, trong 77 trường hợp này có 16 trường hợp từng làm quan với nhà

Tây Sơn, sau ra hàng, nhiều người sau trở thành các nhân vật chủ chốt của bộ máy nhà nước Nguyễn, như Tổng trấn Lê Chất (người Bình Định), các Thượng thư Nguyễn Tử Châu (người Quảng Ngãi), Trần Văn Chạc, Trần Văn Thái (người Quảng Nam)... Chỉ có 6 trường hợp người Đàng Ngoài theo Nguyễn Ánh trước 1802.

Bộ phận thứ hai, gồm 50 gương mặt bắt đầu tham chính trong khoảng thời gian 1802-1819, có 33 trường hợp (chiếm 66,0%)

là người Bắc Hà. Rõ ràng, sau khi bình định xong cả nước (1802) Gia Long đã sử dụng rộng rãi quan lại người Đàng Ngoài cũ. Họ một phần là các trí thức cũ của nhà Lê, có người chưa từng làm quan, có người đã làm quan dưới thời Lê Trịnh, thậm chí cả Tây Sơn. Thuộc Đàng Trong cũ, ngoài số quan lại theo Nguyễn Ánh trước 1802 tiếp tục nắm quyền, số bổ sung sau 1802 là 17 trường hợp (chỉ còn chiếm 34,0%), tập trung gần một nửa ở Thừa Thiên (8/17).

Bảng 2: Quê quán quan lại phân theo khu vực Đàng Trong và Đàng Ngoài (cũ)

Vùng	Gia Long		Minh Mệnh 1820-1840	Thiệu Trị 1841-1847	Tự Đức Sau 1847	Cộng
	Trước 1802	Sau 1802				
Đàng Trong	71 (92,2%)	17 (34%)	31 (28,9)	28 (42,1%)	27(26,5%)	174
Đàng Ngoài	6 (7,8%)	33 (66%)	76 (71,1%)	38 (57,9%)	75(73,5%)	228
Cộng	77 (100%)	50 (100%)	107 (100%)	66 (100%)	102	402

Như vậy, vào đầu đời Gia Long quan lại phần lớn là người Đàng Trong cũ (từ Quảng Bình trở vào), sau trọng tâm chuyển ra vùng Đàng Ngoài cũ (từ Hà Tĩnh trở ra). Xu hướng này ngày càng rõ nét trong các đời vua sau. Thời Minh Mệnh số quan lại người Đàng Ngoài là 71,1%; thời Thiệu Trị là 57,9%; thời Tự Đức là 73,5%). Còn lại là Đàng Trong, chưa đến 30% dưới hai triều Minh Mệnh và Tự Đức. Cũng phải nói thêm, nói Đàng Trong nhưng thực ra từ thời Minh Mệnh quan lại chỉ xuất hiện ở các tỉnh từ Bình Định trở ra đến Quảng Bình, phần nào đó là Gia Định, các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Biên Hoà, Bình Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên gần như không có Nguyễn nhân của tỉnh hình này - như trên đã nói - là do càng về sau việc bổ dụng quan lại các cấp phần lớn lấy từ kết quả khoa cử, mà thành tích khoa cử lại tập trung phần lớn ở các tỉnh từ Bình Định trở ra đến các tỉnh

đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Có thể thấy mối quan hệ giữa kết quả khoa cử với số quan lại cao cấp của các tỉnh, theo đó kết quả khoa cử càng cao thì số lượng quan lại cũng càng lớn (xem bảng 3)

Đành rằng không có quan hệ tỷ lệ thuận tuyệt đối (theo nghĩa, như ở bảng 3, phải là sự trùng khít giữa thứ tự kết quả khoa bảng với thứ tự quan lại mỗi địa phương), nhưng nhìn chung thì những địa phương có kết quả khoa bảng cao cũng là những địa phương có số lượng quan lại lớn nhất. Mười tỉnh có kết quả khoa bảng cao nhất (bảng 3: từ Nghệ An tới Quảng Trị) cũng là mười địa phương dẫn đầu về số viên chức cao cấp. Rõ ràng là một mối quan hệ chặt chẽ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, trong mọi trường hợp không phải tất cả những người đỗ đạt cao (từ Phó bảng trở lên) đều làm quan to và tất cả những người làm quan to đều đỗ đạt cao.

Bảng 3: So sánh mối quan hệ giữa thành tựu khoa bảng với số lượng quan lại các địa phương (từ thời Minh Mệnh đến Tự Đức)

TT	Tỉnh	Khoa cử		Quan	
		Số lượng	Thứ tự so với cả nước	Số lượng	Thứ tự so với cả nước
1	Nghệ An	48	1	34	1
2	Hà Nội	45	2	24	5
3	Thừa Thiên	35	3	31	2
4	Nam Định	29	4	19	7
5	Bắc Ninh	26	5	29	4
6	Hà Tĩnh	27	6	30	3
7	Quảng Bình	27	6	11	9
8	Quảng Nam	21	7	16	8
9	Sơn Tây	20	8	10	10
10	Quảng Trị	18	9	10	10
11	Thanh Hoá	17	10	23	6
12	Hải Dương	15	11	7	12
13	Quảng Ngãi	7	12	6	13
14	Bình Định	6	13	5	14
15	Ninh Bình	5	14	3	16
16	Hưng Yên	4	15	9	11
17	Gia Định	1	16	5	14
18	Định Tường	1	16	-	-

2.4. Tuy nhiên, nếu xem xét một số chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền lại thấy xuất hiện một xu hướng khác (xem bảng 4)⁽²⁾

⁽²⁾ Một số lưu ý ở bảng này: Thứ nhất, một viên quan có thể trải qua nhiều chức vụ, thậm chí có người trải qua hầu hết các chức vụ trên; ở đây lấy chức vụ cao nhất (Tổng trấn trên trấn thủ, Trấn thủ trên Hiệp trấn; Tổng đốc trên Tuần phủ); những người vừa qua chức Thượng thư, vừa qua chức Tổng đốc thì lấy chức Thượng thư. Thứ hai, mặc dù Trấn thủ là một võ quan nhưng ở thời kỳ đầu chức vụ này là người đứng đầu một trấn (và tương đương) nên ở đây vẫn thống kê.

Bảng 4: Quan lại nắm các chức vụ chủ chốt phân bố theo địa phương

TT	Tỉnh	Quan		Chức vụ chủ chốt		Các chức vụ cụ thể					
		SL	TL	SL	TL	Th.th	T.tr	Tr.th	H.tr	T.d	T.ph
1	An Giang	2	0,50	2	1,21	-	1	1	-	-	-
2	Vĩnh Long	5	1,24	5	3,03	1	1	2	-	1	-
3	Định Tường	4	0,10	4	2,42	-	2	1	1	-	-
4	Gia Định	27	6,71	17	10,3	6	1	4	2	-	4
5	Biên Hoà	1	0,25	1	0,60	-	-	1	-	-	-
6	Bình Thuận	1	0,25	1	0,60	1	-	-	-	-	-
7	Khánh Hoà	2	0,50	1	0,60	1	-	-	-	-	-
8	Phú Yên	1	0,25	1	0,60	1	-	-	-	-	-
9	Bình Định	13	3,23	11	6,66	5	1	3	-	2	-
10	Quảng Ngãi	11	2,74	9	5,45	6	-	3	-	-	-
11	Quảng Nam	23	5,72	10	6,06	3	1	1	1	1	3
12	Thừa Thiên	56	13,9	33	20,0	13	1	2	2	9	6
13	Quảng Trị	11	2,74	6	3,64	3	-	-	-	-	3
14	Quảng Bình	17	4,23	9	5,45	4	-	-	1	2	2
15	Hà Tĩnh	32	7,96	9	5,45	3	-	-	-	3	3
16	Nghệ An	41	10,2	5	3,03	2	-	1	-	-	2
17	Thanh Hoá	30	7,46	7	4,24	1	-	-	-	3	3
18	Ninh Bình	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Nam Định	21	5,22	7	4,24	2	-	-	1	-	4
20	Hà Nội	34	8,46	10	6,06	3	-	1	2	2	2
21	Bắc Ninh	36	8,95	8	4,85	1	-	-	2	3	2
22	Hải Dương	9	2,24	3	1,82	-	-	-	-	1	2
23	Sơn Tây	21	5,22	6	3,64	2	-	-	1	-	3
24	Hưng Yên	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cộng	402	100	165	100	58	8	20	13	27	39

Các chức vụ quan trọng được xem xét gồm Thượng thư (người đứng đầu các bộ), Tổng trấn (người đứng đầu Gia Định thành và Bắc Thành thời Gia Long và đầu Minh Mệnh, quyền lực rất lớn), Trấn thủ và Hiệp trấn (hai viên quan võ - vẫn đứng đầu các trấn thời Gia Long và đầu Minh Mệnh), Tổng đốc (người đứng đầu các liên tỉnh - thường là 2 tỉnh - sau cải cách hành chính 1831) và Tuần phủ (người trực tiếp đứng đầu 1 tỉnh sau cải cách 1831).

Có 165 người từng nắm các chức vụ trên. Trong số này có 110 người quê vùng Đàng Trong (cũ), chiếm tới 66,6%; số còn lại - 55 người, chỉ chiếm 33,4%, là người Đàng Ngoài, có nghĩa là số quan lại chủ chốt người Đàng Trong gấp đôi so với Đàng Ngoài. Trong khi đó, tổng số quan lại người Đàng Trong chỉ chiếm 43,3%, còn tổng số quan lại Đàng Ngoài lại chiếm tới 56,3%. Rõ ràng không có quan hệ tỷ lệ thuận giữa tổng số quan lại với số quan lại nắm các chức vụ chủ chốt. Ở bảng 4, các tỉnh từ Quảng Bình vào Nam (Đàng Trong) tỷ lệ quan lại so với toàn quốc luôn luôn thấp hơn tỷ lệ người nắm giữ các chức vụ chủ chốt so với toàn quốc (riêng hai tỉnh Gia Định và Thừa Thiên số quan lại chủ chốt chiếm 30,3% tổng số quan lại chủ chốt toàn quốc suốt từ thời Gia Long đến thời Tự Đức). Tình hình ở các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc (Đàng Ngoài) thì hoàn toàn ngược lại - tỷ lệ người nắm các chức vụ chủ chốt so với toàn quốc luôn thấp hơn tỷ lệ quan lại so với toàn quốc (Nghệ An với 10,20% số quan lại cao cấp toàn quốc nhưng chỉ 3,03% trong số đó nắm các chức vụ chủ chốt; cũng như thế, quan hệ giữa hai đại lượng trên ở Hà Tĩnh là 7,96% và 5,45%; ở Hà Nội là 8,46% và 6,06%; ở Bắc Ninh là 8,85% và 4,85%...).

Đầu thời Gia Long quan lại chủ yếu là người Đàng Trong, vì thế các chức vụ chủ chốt là người vùng này cũng là đương nhiên. Tuy nhiên, từ cuối thời Gia Long về sau số quan lại là người Đàng Ngoài dần chiếm ưu thế, nhưng số quan chủ chốt người vùng này vẫn hạn chế, thì lại là vấn đề. Đến giữa thời Minh Mệnh, số người đứng đầu các trấn (Trấn thủ, Hiệp trấn) người Đàng Ngoài vẫn chỉ là 8/33 (24,24%). Từ cải cách hành chính Minh Mệnh trở đi số Tổng đốc, Tuần phủ người Đàng Ngoài có tăng lên nhưng vẫn không chiếm được ưu thế so với Đàng Trong mặc dù bộ máy quan liêu từ đây đa số đã là người Đàng Ngoài.

Xem xét từng chức vụ cụ thể càng thấy rõ sự khác biệt giữa hai miền. Chức Tổng trấn hai khu vực hành chính lớn thời Gia Long và đầu Minh Mệnh là Bắc Thành và Gia Định thành thì gần như chỉ do người Đàng Trong nắm giữ. Đứng đầu các trấn (đơn vị hành chính trước cải cách Minh Mệnh) là Trấn thủ (võ quan) cũng hầu hết là người Đàng Trong (18 người Đàng Trong, chỉ có 2 người Đàng Ngoài), riêng chức Hiệp trấn (chức phó của Trấn thủ), vì là văn quan nên số người Đàng Ngoài có tăng, nhưng cũng vẫn không chiếm được ưu thế hơn so với Đàng Trong (Đàng Ngoài: 6/13; Đàng Trong: 7/13). Cải cách Minh Mệnh chia đặt các tỉnh, đứng đầu mỗi liên tỉnh (thường là hai, một trường hợp một là Thanh Hoá, một trường hợp ba là Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang) là chức Tổng đốc, đứng đầu mỗi tỉnh là chức Tuần phủ. Lúc này, quan lại xuất thân từ khoa cử ngày một chiếm ưu thế, và vì thế quan lại người Đàng Ngoài cũng đã chiếm ưu thế trong bộ máy hành chính Nhà nước các cấp. Nhưng cũng chỉ 13/27 Tổng đốc là

người Đảng Ngoài. Riêng chức Tuần phủ thì người Đảng Ngoài nắm giữ nhiều hơn (21/39). Nhưng chức Thượng thư - chức quan đứng đầu sáu bộ ở triều đình thì vẫn phần lớn vẫn do người Đảng Trong nắm giữ. Theo thống kê, đã có 58 người từng

trải qua chức Thượng thư, mà chỉ 14 người quê Đảng Ngoài (24,13%), còn lại 42 người quê Đảng Trong (75,88%). Vẫn là Thừa Thiên và Gia Định: có tới 13/58 Thượng thư, 9/27 Tổng đốc người Thừa Thiên; 6/58 Thượng thư là người Gia Định...

Bảng 5: Quan lại nắm các chức vụ chủ chốt phân theo địa bàn Đảng Trong và Đảng Ngoài (cũ)

Vùng	Quan		Chức vụ chủ chốt		Các chức vụ cụ thể					
	SL	TL	SL	TL	Th.th	T.tr	Tr.th	H.tr	T.d	T.ph
Đảng Trong cũ	174	43,3	110	66,6	44	8	18	7	15	18
Đảng Ngoài cũ	228	56,7	55	33,4	14	-	2	6	12	21
Cộng	402	100	165	100	58	8	20	13	27	39

3. Đến đây, xin nêu vài nhận xét

3.1. Như đã thấy trong lịch sử Việt Nam, một vương triều ra đời trên cơ sở chiến thắng quân sự, bao giờ giai đoạn đầu bộ máy nhà nước cũng chủ yếu do các võ quan nắm giữ. Họ là những tướng lĩnh từng vào sinh ra tử, lập nhiều công huân. Đầu thế kỷ XV là nhà Lê Sơ, đầu thế kỷ XIX là nhà Nguyễn. Nhà Lê Sơ ra đời sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, đánh rằng cuộc khởi nghĩa này hội tụ hào kiệt cả bốn phương, nhưng trước hết và nhiều hơn cả vẫn là người Thanh Nghệ, thì nhà Nguyễn gồm phần đông là người Đảng Trong, nhất là Thừa Thiên và Gia Định. Vì thế, thời kỳ đầu nhà Lê Sơ quan lại người Thanh Nghệ chiếm một tỷ lệ lớn trong bộ máy nhà nước và thời kỳ đầu nhà Nguyễn người Đảng Trong chiếm một tỷ lệ lớn trong bộ máy nhà nước là điều dễ hiểu, và không tránh khỏi.

3.2. Thực tế thì nhu cầu trí thức hoá bộ máy Nhà nước được đặt ra ngay khi một

vương triều mới ra đời, Lê Sơ và Nguyễn đều vậy. Nhưng không thể làm ngay được, có nhiều nguyên nhân, trong đó một phần vì lực lượng trí thức thời kỳ đầu còn mỏng. Nhưng xu hướng trí thức hoá là tất yếu và nó sẽ được thể hiện đầy đủ nhất khi giáo dục và khoa cử Nho học phát triển cung cấp đủ nguồn nhân lực này. Nhà Nguyễn dù muốn hay không cũng phải sử dụng nguồn nhân lực vùng Đảng Ngoài cũ vì đây là nơi cung cấp phần lớn trí thức Nho học.

3.3. Trong khi không thể không sử dụng rộng rãi quan lại là người Đảng Ngoài thì nhà Nguyễn lại có thể chỉ sử dụng phần lớn người Đảng Trong vào các vị trí quan trọng nhất của bộ máy nhà nước. Thực tế này kéo dài cho đến cuối thời Tự Đức, đành rằng sự thể hiện càng về sau có phần nhạt hơn. Rõ ràng, nhà Nguyễn vẫn không có được sự tự tin cần thiết trong việc kiểm soát vùng đất Đảng Ngoài cũ, vốn thuộc quyền kiểm soát của chính quyền Lê - Trịnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Hữu Dật (chủ biên), *Chính sách dùng người của cha ông ta trong lịch sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
2. Phan Đại Doãn (chủ biên), *Một số vấn đề quan chế triều Nguyễn*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1998.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1997, tập 2, 3, 4.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N₂, 2003

ON SOME ASPECTS OF THE MANDARIN POLICY OF THE NGUYEN DYNASTY

(By survey homeland of mandarins)

Dr. Vu Van Quan

Department of History

College of Social Sciences and Humanities- VNU

There are three comments referring from reviewing the records of high-ranking mandarin of the Nguyen Dynasty as followings:

1. At the early period when the Nguyen Dynasty had just seized power (in the Gia Long reign and in the early of Minh Menh reign) the mandarins were mostly people of "Dang Trong" including key positions.

2. Afterwards, with the method of selecting mandarins mainly by examinations, the number of mandarin whose homeland in "Dang Ngoai" had been more and more predominated over the number of mandarin whose homeland in "Dang Trong" ("Dang Ngoai" had an educational and examinational tradition which was more developed than "Dang Trong")

3. However, through mandarins of "Dang Trong" had not been hold the upper hand, they had still hold the key positions of the administrative system of State.

The Nguyen Dynasty had not had necessary self-confidence in control over "Dang Ngoai" area where formerly had been under the rule of Le-Trinh power.